

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật
Trường Đại học Kiên Giang**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-KĐCLGDSG ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định số 386/QĐ-KĐCLGDSG ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc kiện toàn và điều chỉnh thành viên Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 385/QĐ-KĐCLGDSG ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc tổ chức Phiên họp Lần thứ 9 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ Tự đánh giá chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật; Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp Lần thứ 9 ngày 15 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đoàn Đánh giá ngoài Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Kiên Giang đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục độc lập, khách quan, công khai, minh bạch và đúng quy định, quy trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hội đồng đã thẩm định và thống nhất kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo như sau:

Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 44 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm tỉ lệ 88,00 %; trong đó, mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu”.

Điểm trung bình của các tiêu chí là: 3,92 (chi tiết trong Phụ lục 1).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Kiên Giang cần thực hiện 11 nhóm giải pháp để cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo cho giai đoạn 05 năm đánh giá tiếp theo

(từ năm 2023 đến năm 2028), được tính từ ngày ban hành Quyết định công nhận chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng (*chi tiết trong Phụ lục 2*).

Điều 3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận: Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Kiên Giang đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục; đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo trình độ đại học cho ngành Luật của Trường Đại học Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Trường ĐHKG (*để thực hiện*);
- Phòng ĐG&CNCLGD (*để giám sát*);
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN KIM DUNG

PHỤ LỤC 1.

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LUẬT TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG**

(Kèm theo Nghị quyết số *KS* /NQ-HĐKĐCLGD ngày *KS* /10/2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn			Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)			Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 1.1	4				Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 1.2	4				Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 1.3	4	Tiêu chí 7.3	4						
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67	Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 2.1	4				Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chí 2.2	3				Tiêu chuẩn 8				
Tiêu chí 2.3	4	3,67	2	66,67	Tiêu chí 8.1	4	4,20	5	100
Tiêu chuẩn 3					Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 3.1	4				Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 3.2	3				Tiêu chí 8.4	4			
Tiêu chí 3.3	4				Tiêu chí 8.5	5			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100	Tiêu chuẩn 9		4,20	5	100
Tiêu chí 4.1	4				Tiêu chí 9.1	5			
Tiêu chí 4.2	4				Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 4.3	4	Tiêu chí 9.3	4						
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80	Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 5.1	4				Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chí 5.2	4				Tiêu chuẩn 10				
Tiêu chí 5.3	3				Tiêu chí 10.1	4	3,83	5	83,33
Tiêu chí 5.4	4				Tiêu chí 10.2	4			
Tiêu chí 5.5	4	Tiêu chí 10.3	3						
Tiêu chuẩn 6		3,71	5	71,42	Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 6.1	4				Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 6.2	3				Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chí 6.3	4				Tiêu chuẩn 11				
Tiêu chí 6.4	4				Tiêu chí 11.1	4	4,00	5	100
Tiêu chí 6.5	4				Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 6.6	4				Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 6.7	3	Tiêu chí 11.4	4						
		Tiêu chí 11.5	4						
Mức trung bình					Số tiêu chí đạt		Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%)		
3,92					44		88,00		

PHỤ LỤC 2

KIẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH LUẬT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số 95 /NQ-HĐKĐCLGD ngày 15 /10/2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Luật của Trường Đại học Kiên Giang (Trường) đã được Trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy:

I. Những điểm mạnh nổi bật của chương trình đào tạo

1. Mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Luật phù hợp với mục tiêu đào tạo trình độ đại học quy định tại Luật Giáo dục đại học; được xác định rõ ràng, có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể theo định hướng đào tạo đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội đối với ngành Luật; gắn kết với sứ mạng và tầm nhìn của Trường. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng và có nêu triển vọng việc làm trong tương lai. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2021 theo kế hoạch, quy trình chung của Trường; có sự tham gia góp ý của các bên liên quan; được công bố công khai.

2. Bản mô tả chương trình đào tạo được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo của ngành Luật; cấu trúc của bản mô tả chương trình đào tạo đáp ứng quy định. Bản mô tả được rà soát và ban hành vào các năm 2019, 2021. Kết cấu đề cương học phần năm 2021 có sự điều chỉnh, bổ sung so với các đề cương học phần ban hành năm 2019. Bản mô tả chương trình đào tạo được công bố công khai trên website của Khoa Sư phạm và Xã hội Nhân văn, phổ biến thông qua các tài liệu quảng bá về chương trình đào tạo. Đề cương học phần được lưu trữ ở Khoa, được cung cấp cho người học vào đầu học kỳ bằng nhiều hình thức khác nhau.

3. Các học phần của chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm theo bảng ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra vào các học phần. Bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần trong chương trình dạy học vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, có tham khảo ý kiến phản hồi giảng viên của Khoa và các chuyên gia. Các học phần trong chương trình dạy học được cấu trúc có sự gắn kết từ các học phần kiến thức chung, cơ sở ngành và chuyên ngành đảm bảo sự thống nhất, thể hiện các học phần tiên quyết, định kỳ rà soát, điều chỉnh vào năm 2019 và 2021, có tham khảo, đối sánh với các chương trình đào tạo tương đương trong nước.

4. Trường có tuyên bố chính thức triết lý giáo dục công khai trên website của Trường, phổ biến triết lý giáo dục qua các buổi họp, sinh hoạt, lễ hội, các bản tin ở nhiều nơi trong Trường. Giảng viên xây dựng và tổ chức hoạt động dạy học đa dạng, phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Đề cương học phần đã quy định chi tiết từng chuẩn đầu ra học phần, sử dụng phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập tương ứng. Tất cả các học phần đều yêu cầu người học tự đọc/nghiên cứu tài liệu. Kỹ năng cần thiết cho bậc học như làm việc nhóm, thuyết trình được cung cấp qua các bài tập nhóm, bài thực hành, bài thuyết trình và các tiểu luận.

5. Trường đã ban hành văn bản quy định về công tác kiểm tra, đánh giá được công khai trong buổi sinh hoạt đầu khóa, sinh hoạt lớp của cô vấn học tập, tài liệu gửi cho người

học, website. Các kế hoạch, quy trình đánh giá người học kèm các biểu mẫu rõ ràng nhằm đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, đồng thời công bố công khai. Các quy định về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi được xác định rõ ràng. Trường có quy định về việc được công bố kết quả đánh giá đến người học. Kết quả học tập của người học được Trường thông báo kịp thời và rõ ràng trên phần mềm quản lý đào tạo của Trường qua tài khoản của từng người học. Người học tiếp cận được quy trình khiếu nại kết quả học tập.

6. Chiến lược phát triển Trường Đại học Kiên Giang giai đoạn 2020-2030 và tầm nhìn đến năm 2040 thể hiện cụ thể nội dung phát triển đội ngũ giảng viên qua các chỉ số KPIs bao gồm 30% giảng viên có trình độ tiến sĩ, 01 giáo sư, 02 phó giáo sư. Đội ngũ giảng viên nhiệt tình, tâm huyết với nghề. Giảng viên xây dựng kế hoạch năm học theo hướng dẫn của Trường, trong đó có quy định cụ thể về khối lượng công việc. Trường có thực hiện đánh giá và ban hành các quy chế về khen thưởng giảng viên có thành tích giảng dạy và nghiên cứu khoa học tốt.

7. Trường đã ban hành chiến lược phát triển nhân sự, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên; ban hành các văn bản quan trọng làm căn cứ để quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng và khen thưởng nhân viên. Đội ngũ nhân viên của Trường về cơ bản, đủ về số lượng và thông hiểu nghiệp vụ để đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên được thực hiện công khai theo các tiêu chí được xác định và phổ biến. Việc quản lý theo kết quả công việc và khen thưởng được triển khai, thực hiện. Việc giám sát và đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên được tiến hành định kỳ, có chế độ khen thưởng phù hợp, rõ ràng.

8. Trường có đề án tuyển sinh và chính sách, quy định tuyển sinh rõ ràng đối với từng ngành đào tạo. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, được cập nhật hằng năm và công bố công khai. Có hệ thống giám sát kết quả học tập và rèn luyện của người học: phân công trách nhiệm; ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo. Có cơ sở dữ liệu giám sát tiến bộ của người học. Đội ngũ cố vấn học tập nhiệt tình thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao. Công tác hướng nghiệp, hỗ trợ việc làm được Trường/Khoa quan tâm, đạt hiệu quả. Trường có chính sách hỗ trợ cho người học có hoàn cảnh khó khăn; nhiều học bổng khuyến khích học tập. Môi trường học tập thân thiện; cảnh quan sư phạm xanh, đẹp tạo được điều kiện thuận lợi cho tất cả các đối tượng làm việc, giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

9. Trường/Khoa có các phòng làm việc, phòng học, các phòng chức năng đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu của giảng viên, cán bộ viên chức và người học. Các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin đều được định kỳ duy tu, bảo dưỡng và cập nhật theo quy định. Thư viện có không gian thoáng mát, sạch, đẹp; có phòng đọc rộng rãi, được trang bị phần mềm chuyên dùng, có công cụ tra cứu, có nội quy và hướng dẫn sử dụng rõ ràng. Hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng tốt nhu cầu học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý của Trường. Ký túc xá đủ chỗ ở để phục vụ cho người học. Trường có khuôn viên rộng rãi, nhiều cây xanh, sạch, đẹp. Trường có các quy định, nội quy và thực hiện tốt về an ninh, trật tự, an toàn thực phẩm và phòng cháy chữa cháy. Trường đã chăm lo sức khỏe giảng viên, người học và nhân viên và tạo môi trường giáo dục, thân thiện.

10. Trường đã thiết lập hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan thông qua việc ban hành quy định, quy trình khảo sát theo từng nội dung để phục vụ cho việc xây dựng, thiết kế chương trình dạy học và cải tiến chất lượng các hoạt động. Trường

có các văn bản quy định và hướng dẫn, có tổ chức các đợt tập huấn việc tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của người học theo chuẩn đầu ra. Hướng dẫn về việc đo lường, đánh giá mức đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và mức đạt chuẩn đầu ra của học phần. Khoa có đề tài nghiên cứu liên quan đến việc dạy học, kết quả một số đề tài được áp dụng vào nội dung giảng dạy. Trường triển khai các đợt khảo sát ý kiến các bên liên quan đánh giá chất lượng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học làm cơ sở cho việc cải tiến các hoạt động. Cơ chế phản hồi được rà soát, cải tiến qua việc điều chỉnh các quy trình, biểu mẫu phiếu khảo sát, nội dung câu hỏi, hình thức khảo sát và tổ chức thực hiện.

11. Phòng đào tạo phối hợp với Khoa và Phòng Công tác sinh viên và Kết nối cộng đồng sử dụng phần mềm quản lý theo dõi, lưu trữ dữ liệu thống kê, có bảng đối sánh hàng năm về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn, thời gian tốt nghiệp trung bình, tình hình việc làm của người học. Trường/Khoa có những hoạt động hỗ trợ người học nâng cao khả năng tìm việc làm sau tốt nghiệp; Khóa đầu tiên có nhiều người học tốt nghiệp sớm. Trường có quy trình và chính sách hỗ trợ người học tham gia nghiên cứu khoa học. Khoa cử giảng viên hướng dẫn người học thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và giám sát quá trình hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với các đơn vị thực hiện khảo sát, thu thập và báo cáo kết quả về mức độ hài lòng của các bên liên quan; trên cơ sở đó, Khoa và các đơn vị có kế hoạch và thực hiện cải tiến nâng cao chất lượng hoạt động.

II. Những điểm cần cải thiện, bổ sung, điều chỉnh của Trường/Khoa; Kiến nghị của Hội đồng về việc đề nghị Trường/Khoa khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo

1. Khoa cần rà soát, chỉnh sửa PO1, PO2 đảm bảo khoa học, hợp lý và phù hợp với định hướng ứng dụng của Trường. Khoa cần khai thác hiệu quả hơn kết quả khảo sát làm căn cứ xác định các mục tiêu chương trình đào tạo. Cần rà soát chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với Khung trình độ Quốc gia Việt Nam cũng như chuẩn chương trình theo nhóm ngành, lĩnh vực; trong đó, đặc biệt cần bổ sung các chuẩn đầu ra về kỹ năng khởi nghiệp, dẫn dắt tạo việc làm cho mình và người khác. Rà soát phân nhiệm các PLOs thành các chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm bảo đảm phù hợp, rõ ràng, cụ thể và gắn với đặc thù của chương trình đào tạo. Cần tập huấn để nâng cao năng lực cho cán bộ, giảng viên trong xây dựng, rà soát và phát triển chương trình đào tạo thường xuyên hơn.

2. Chương trình đào tạo điều chỉnh và cập nhật cần có sự tham khảo chương trình đào tạo tương ứng của các trường trong và ngoài nước. Cần rà soát bổ sung đề cương học phần đảm bảo đầy đủ các thông tin theo yêu cầu của Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD. Chỉnh sửa cách phát biểu chuẩn đầu ra các học phần theo thang đo Bloom để đảm bảo có thể đo lường, đánh giá được. Rà soát phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập cho phù hợp với đặc thù của từng học phần. Đề cương học phần cần đặc tả các Rubrics vào hoạt động kiểm tra, đánh giá và xác định nội dung chương mục thực đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá kết thúc học phần. Đảm bảo 100% đề cương học phần được định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh và cập nhật theo kế hoạch. Rà soát thông tin Bản mô tả chương trình đào tạo, đề cương học phần trên trang website của Khoa để đảm bảo tính thống nhất với văn bản chính thức của Trường.

3. Trường/Khoa cần rà soát tổng thể toàn bộ các học phần của chương trình dạy học để thể hiện rõ sự tương thích với các kỹ năng mềm; năng lực tự chủ và trách nhiệm. Rà soát ma trận thể hiện sự đóng góp của từng học phần và từng chuẩn đầu ra của chương

trình đào tạo cho phù hợp. Rà soát lại chuẩn đầu ra của các học phần đảm bảo kết nối chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của học phần, thiết kế ma trận chuẩn đầu ra đảm bảo đạt về mức độ kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm. Rà soát lại các tổ hợp các phương pháp dạy và học, kiểm tra, đánh giá của toàn bộ các học phần, nhất là các học phần kỹ năng một cách đồng bộ. Cần đối sánh chương trình dạy học với các chương trình đào tạo tương ứng của nước ngoài.

4. Trường/Khoa cần đa dạng hóa hơn các phương thức truyền thông để truyền tải triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Trường đến các bên liên quan. Tăng thời lượng và đa dạng hóa các hoạt động thực hành, diễn án, kiến tập, thực tế, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp cho người học ngành Luật. Đa dạng hóa môi trường thực tập thực tế (khu vực tư nhân, yếu tố nước ngoài) dành cho người học. Tổ chức tập huấn phương pháp dạy và học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho giảng viên thường xuyên hơn. Cần có cơ chế rõ ràng và hiệu quả hơn nhằm giám sát chặt chẽ việc triển khai lộ trình giảng dạy theo đề cương học phần để đảm bảo đạt chuẩn đầu ra như công bố. Trường/Khoa cần có biện pháp và kinh phí hỗ trợ hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, viết bài hội thảo khoa học cho người học, tăng cường các hoạt động giao lưu học thuật với các trường đại học khác.

5. Trường cần rà soát, chỉnh sửa quy định về tổ chức thi, quản lý thi kiểm tra học phần nhằm đảm bảo ở mức cao nhất tính khách quan, tin cậy trong việc đánh giá kết quả học tập của người học; cần đa dạng hóa các hình thức thi cuối kỳ (như thực hành, vấn đáp, viết tiểu luận) nhằm có thể đo lường được các chuẩn đầu ra của môn học. Các đề cương học phần cần xác định nội dung chương mục được kiểm tra đánh giá và công cụ (Rubrics) được sử dụng để kiểm tra, đánh giá nhằm đo lường được chuẩn đầu ra cần đo. Trường cần định kỳ hằng năm phân tích phổ điểm thi của các học phần ở từng học kỳ để có các thông số định lượng phục vụ cho việc đưa ra các giải pháp điều chỉnh, cải tiến các phương thức thi/đề thi học phần. Cần nêu rõ cách thức phản hồi đối với kết quả đánh giá người học trong các quy định đào tạo, khảo thí. Có quy định rõ về việc cho phép người học được trao đổi giải thích về đáp án bài thi.

6. Trường/Khoa Sư phạm và Xã hội Nhân văn cần tiếp tục xây dựng và thực hiện chính sách đầu tư, thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao, tốt nghiệp đúng/gần chuyên ngành tham gia giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Khoa và Trường. Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng, Trường/Khoa cần tổ chức thêm các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng sư phạm, phát triển chương trình, xây dựng các đề tài nghiên cứu khoa học, đăng báo và tạp chí trong và nước nâng cao số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học của ngành và Khoa. Ngoài ra, Trường/Khoa tiếp tục tìm kiếm và thúc đẩy hợp tác với các đối tác như doanh nghiệp, chính quyền địa phương, các trường đại học khác nhiều hơn nữa để nâng cao số lượng và chất lượng giảng dạy, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ của ngành và Khoa.

7. Trường cần có quy hoạch cụ thể đội ngũ nhân viên cho từng đơn vị phòng, trung tâm theo từng năm. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm đối với một vị trí việc làm ở các đơn vị công tác khác nhau cần được cụ thể hơn để đáp ứng yêu cầu đặc thù của đơn vị công tác. Yếu tố chất lượng của việc hoàn thành công việc cần được tính đến khi đánh giá năng lực của nhân viên. Các tiêu chí đánh giá nên có trọng số khác nhau và mỗi tiêu chí nên được lượng hóa bằng mức điểm. Cần khuyến khích nhân viên theo học các lớp đào tạo, bồi dưỡng có nội dung nâng cao các năng lực mà nhân viên ở mỗi vị trí việc làm cần có để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng nhằm đạt được mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên. Cần tăng kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân viên.

Nhân viên cần có kế hoạch tuần để tạo thuận lợi cho việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc.

8. Trường cần rà soát, đánh giá các tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học, xác định tương quan giữa kết quả tuyển sinh với tỉ lệ người học đạt các mức học lực và tỉ lệ thôi học để có điều chỉnh, cải tiến phù hợp. Tiếp tục nghiên cứu cải tiến công tác tư vấn, quảng bá tuyển sinh để có thể thu hút người học cho chương trình đào tạo. Từng bước cải thiện chất lượng tuyển sinh. Rà soát và cải tiến đánh giá công tác hỗ trợ, tư vấn học tập, hướng nghiệp của đội ngũ cố vấn học tập và của phòng/ban liên quan. Chú trọng hơn đến việc truyền tải tinh thần đổi mới, sáng tạo, khởi nghiệp cho người học.

9. Thư viện cần bổ sung nguồn học liệu (tài liệu bắt buộc) và cả ngoại văn bao gồm giáo trình, tài liệu, sách tham khảo (bản cứng/bản mềm) bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ) cho đầy đủ đáp ứng theo danh mục tài liệu giáo trình chính – giáo trình tham khảo cho các học phần của từng chương trình đào tạo. Mở rộng liên kết thư viện của các trường đại học trong và ngoài nước để tăng cường các đầu sách mới, đẩy mạnh số hóa và hệ thống thư viện điện tử. Trường/Khoa cần bổ sung đầu tư thêm các thiết bị và việc bố trí theo quy định để đa dạng hóa các loại hình tổ chức phiên tòa giả định khác nhau nhằm nâng cao kỹ năng thực hành chuyên môn thực tế cho người học.

10. Trường/Khoa cần triển khai việc phản hồi với các bên liên quan về việc sử dụng ý kiến để các hoạt động cải tiến của chương trình đào tạo. Cần định kỳ rà soát, đánh giá sự tương thích, phù hợp của quá trình dạy và học, đánh giá kết quả học tập với chuẩn đầu ra và triển khai có tính hệ thống đến toàn thể giảng viên và người học. Xây dựng các văn bản/công cụ để đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra của học phần và của chương trình đào tạo. Khoa cần tăng cường các quan hệ hợp tác, định kỳ tổ chức các hội thảo để phổ biến, áp dụng kết quả nghiên cứu khoa học trong việc cải tiến hoạt động giảng dạy và học tập. Trường cần tăng cường giám sát, đánh giá kết quả cải tiến của các đơn vị trên cơ sở ý kiến đóng góp từ các đợt khảo sát.

11. Trường/Khoa cần tổ chức hội nghị tổng kết, đánh giá các biện pháp hỗ trợ để tăng tỉ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn, giảm tỉ lệ người học thôi học, giảm thời gian tốt nghiệp trung bình; cần phân tích, dự báo cũng như đề xuất những giải pháp cải thiện các tỉ lệ này. Khoa cần tổng kết đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học của người học để rà soát, cập nhật kế hoạch phát triển các loại hình hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế và tiềm năng của người học ngành Luật. Trường cần xác định và hướng dẫn rõ ràng các tiêu chí đo lường sự hài lòng của các bên liên quan cho tất cả các phiếu khảo sát cho từng nhóm đối tượng. Cần tìm hiểu dữ liệu và thực hiện đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài Trường.

Trên đây là 11 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục thuộc kiến nghị của Hội đồng, đề nghị Nhà trường và Khoa đồng thời nghiên cứu sâu Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể, khả thi cho việc thực hiện bảo đảm và cải tiến chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo. Vào giữa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (Hai năm rưỡi sau khi được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo), Nhà trường gửi báo cáo kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định./.